

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt danh mục dự toán mua sắm
Thuốc tại nhà thuốc bệnh viện**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHỐ NỘI

Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2027/QH14 ngày 21/06/2023;

Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu;

Luật 90/QH15 ngày 25/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu;

Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu;

Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 114/2024/2024/NĐ-CP ngày 15/09/2024 của Chính phủ và Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ);

Thông tư số 07/TT-BYT ngày 17/05/2024 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Nghị quyết số 521/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên;

Biên bản họp tổ tư vấn mua sắm ngày 18 tháng 9 năm 2025;

Biên bản tra cứu giá thuốc ngày 17 tháng 10 năm 2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục, dự toán mua sắm Thuốc tại nhà thuốc bệnh viện
(có phụ lục kèm theo)

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa Khoa Phố Nối.
- Nguồn vốn: Nhà thuốc bệnh viện.
- Thời gian dự kiến mua sắm: 20 ngày.
- Thời gian thực hiện: Năm 2025.
- Địa điểm: Phường Bàn Yên Nhân, Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.
- Quy mô: Mua sắm trực tiếp theo Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu, Luật 90/QH15 ngày 25/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu

Điều 2. Tổ tư vấn mua sắm, nhà thuốc và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện mua sắm theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Nhà thuốc, tổ tư vấn mua sắm và các bên liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,HS.

GIÁM ĐỐC



Phạm Đăng Quế

BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHỐ NỘI
KHOA DƯỢC- NHÀ THUỐC

PHỤ LỤC DANH MỤC DUY TOÀN MUA SẴM THUỐC

(Kèm theo quyết định số: 695/ĐĐ-BV ngày 29 tháng 10 năm 2025)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/ hàm lượng	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá theo báo giá của công ty(có VAT)	thành tên	Chi chú
1	Fixco 180	Fexofenadin hydroclorid	180mg	Việt Nam	Viên	3000	5.100	15.300.000	
2	Uptiv	Nystatin + Di-iodohydroxyquin + Benzalkonium chloride	100.000IU +100mg +7mg	Thái Lan	Viên	200	14.000	2.800.000	
3	Biviantac Chew	Nhôm hydroxyd dạng gel khô; Magnesi hydroxyd; Simethicon	400mg, 400mg, 40mg	Việt Nam	Viên	300	3.900	1.170.000	
4	Meyezem SR	Dexchlorpheniramin maleat; Betamethason	2mg, 0,25mg/5ml	Việt Nam	Ông	100	4.965	496.500	
5	Amburoi 7,5	Mỗi 5ml chứa: Ambroxol hydroclorid 7,5mg; Clenbuterol hydroclorid 0,005mg	(7,5mg;0,005mg)/5ml x 5ml	Việt Nam	Ông	200	10.200	2.040.000	
6	Immutes capsule	Thymomodulin	80mg	Hàn Quốc	Viên	600	4.200	2.520.000	
7	Banlet	Betamethasone + Neomycin sulfate	(1mg/g+5mg/g) x 15g	Pakistan	Tuyp	100	48.000	4.800.000	
8	Cilidamin 20	Cilindipin	20mg	Việt Nam	Viên	500	10.495	5.247.500	
9	Calicar 500 Tablet	Calci (dưới dạng calci carbonat 1250mg) 500mg	500mg	Bangladesh	Viên	200	3.486	697.200	

10	TRIMOXTAL 500/500	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 500 mg; Sulbactam (dưới dạng Sulbactam pivoxil) 500 mg	500mg, 500mg	Việt Nam	Viên	1000	16.900	16.900.000
11	Imedoxim 100	Mỗi gói 1g chứa Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 100mg	100mg	Việt Nam	Gói	120	8.500	1.020.000
12	CHYMODK	Alpha chymotripsin	8400 đơn vị USP	Việt Nam	Viên	2000	1.900	3.800.000
13	Batiwell	Mỗi 2,5 ml chứa: Bromhexin hydroclorid 2 mg	2 mg / 2,5 ml	Việt Nam	Ống	200	3.200	640.000
14	DOTIOCO	Nhôm oxyd (dưới dạng nhôm hydroxyd khô) + Magnesi Hydroxid	200mg + 400mg	Việt Nam	Gói	300	3.589	1.076.700
15	BATIMED	Thiamine hydrochloride 250mg; Pyridoxin hydrochlorid 35mg	250mg, 35mg	Việt Nam	Viên	1000	3.800	3.800.000
16	VIN-HEPA 500	L-Ornithin - L - Aspartate	500mg	Việt Nam	Viên	6000	4.250	25.500.000
17	CTTmosin	Alpha chymotrypsin (tương ứng với Alpha chymotrypsin 8,4mg)	8400IU	Việt Nam	Viên	1000	2.050	2.050.000
18	Bloci 750	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin HCl)	750mg	Bồ Đào Nha	Viên	1000	16.200	16.200.000
19	Ambroxol-H	Ambroxol hydroclorid	30mg/5ml	Việt Nam	Chai	100	29.000	2.900.000
20	Atsotine Soft Capsule	Cholin alfoscerat	400mg	Hàn Quốc	Viên	300	13.500	4.050.000
21	Atsypan 600	Amoxicillin + Acid clavulanic	600mg + 42,9mg	Việt Nam	Gói	1000	13.980	13.980.000
22	Teburap SoftCap	Ginkgo Biloba	120mg	Hàn Quốc	Viên	500	6.250	3.125.000
23	MG-Tan Inj 480ml	Acid amin + glucose + lipid	11,3% + 11% + 20%	Hàn Quốc	Chai/lọ/túi/ống/gói	240	652.800	156.672.000
24	Haspan	Cao khô lá Thường xuân 5:1 (tương đương với 150mg lá Thường xuân)	30mg	Việt Nam	Viên	300	3.800	1.140.000
25	Zonazi	Cefdinir	250mg/6ml	Việt Nam	Chai	10	124.998	1.249.980
26	ZY-10 Forte	Ubidecarenone (Coenzym Q10)	100 mg	Ấn độ	Viên	300	14.000	4.200.000

27	Citicolin A.T 1000mg/4ml	Citicolin (dưới dạng Citicolin sodium)	1000mg/4ml	Việt Nam	ống	500	79.500	39.750.000
28	Fexihist	Fexofenadin HCl	60mg/5ml	Ấn Độ	Lọ	100	175.000	17.500.000
29	Gluthion	Glutathione (dưới dạng Glutathione sodium)	600mg	Italy	Lọ	200	163.600	32.720.000
30	Heparigen 5g Inj	L-Ornithine-L-Aspartate	5g	Hàn Quốc	Ống	300	78.000	23.400.000
31	Jafumin	L-leucin; L-isoleucin; L-Lysin HCl; L-Phenylalanin; L-threonin; L-valin; L-tryptophan; L-Histidin hydroclorid monohydrat; L-Methionin	320,3mg; 203,9mg; 291mg; 320,3mg; 145,7mg; 233mg; 72,9mg; 216,2mg; 320,3mg	Việt Nam	Gói	500	15.000	7.500.000
32	Anbaliv	Silymarin	400mg	Việt Nam	Viên	500	10.500	5.250.000
33	Mapalsun	Ursodeoxycholic acid	450mg	Việt Nam	Viên	60	16.800	1.008.000
34	Avanka	Calci ascorbat + Lysin ascorbat	(250mg + 250mg)/5ml; 10ml	Việt Nam	Ống	300	6.200	1.860.000
35	Ratatos 50	Cefditoren (dưới dạng cefditoren pivoxil)	50mg/5ml	Việt Nam	Lọ	10	290.000	2.900.000
36	Oralox-P Api	Aluminum hydroxide (dưới dạng dried aluminum hydroxide gel) + Magnesium hydroxide + Simethicone	350mg + 400mg + 50mg	Việt Nam	Gói	20	3.595	71.900
37	Amalgel 500 mg	Almagate	500mg	Việt Nam	Viên	300	7.800	2.340.000
38	Subtyl	Bột chứa vi khuẩn Bacillus subtilis tương đương vi khuẩn Bacillus subtilis sống	1.000.000 - 10.000.000 CFU	Việt Nam	Gói	250	2.000	500.000
39	Avanka	Calci ascorbat + Lysin ascorbat	(250mg + 250mg)/5ml; 10ml	Việt Nam	Ống	300	6.200	1.860.000
40	Symazol 200	Clotrimazol	200mg	Việt Nam	Viên	300	5.880	1.764.000
41	Hopitas 2 mg	Pitavastatin (dưới dạng pitavastatin calci 2,09mg)	2mg	Việt Nam	Viên	100	9.234	923.400
42	Mcbiprozil 500mg	Cefprozil (dưới dạng Cefprozil monohydrat)	500mg	Việt Nam	Viên	20	25.125	502.500

43	Cardioton	Ubidecarenone + Vitamin E	30mg + 6,71mg	Australia	Viên	100	7.182	718.200
44	Mimaxpro 500	Cefprozil (dưới dạng Cefprozil monohydrat)	500mg	Việt Nam	Viên	10	27.500	275.000
45	CTToren 50	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren Pivoxil)	50mg	Việt Nam	Gói	140	15.200	2.128.000
Tổng tiền							436.345.880	

(Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi năm nghìn tám trăm tám mươi đồng)

Hung Yên ngày tháng năm 2025

